



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: D11 Khu vực 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297.3918677 – 3503680; Fax: 0297.3918677



VILAS 384

Số: 343/25/PKQ-QTKG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

Ngày: 27/6/2025

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải, N6 (408D/NT/II-25)
- Ngày nhận mẫu : 16/6/2025
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong can nhựa, chai thủy tinh và được bảo quản theo HD11
- Nơi yêu cầu nhận mẫu : CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – CO.OP MART HÀ TIÊN
- Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.
- Địa điểm lấy mẫu : Tại đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ thành phố Hà Tiên - Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.op mart Hà Tiên – Số 20, đường Mạc Công Du, khu phố 2, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (X:1148 269; Y:0498569)
- Thử nghiệm tại hiện trường : Không ☐; Có ☒
- Thời gian thử nghiệm : Từ 16/6/2025 đến 22/6/2025
- Lấy mẫu : Không ☐; Có ☒
- Lưu mẫu : Không ☒; Có ☐ đến ngày:
- Kết quả thử nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K _r = 1,2)
1	pH (25 ⁰ C) ⁽¹⁾	-	TCVN 6492: 2011 ^(*)	7,11	5,5 – 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	23	60
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	19	120
4	TDS ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 2540C: 2023 ^(*)	819	1.200
5	Amoni	mg/L	SMEWW 4500 NH ₃ -B&F:2023 ^(*)	1,2	12
6	Nitrat	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	3,5	60
7	Phosphat	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023 ^(*)	0,90	12
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1.700	5.000



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: D11 Khu vực 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297.3918677 – 3503680; Fax: 0297.3918677



VILAS 384

Số: 343/25/PKQ-QTKG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Phòng thử nghiệm được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường
theo Giấy chứng nhận số 71/GCN-BTNMT ngày 05/12/2024 (Vimcerts 181)

Ngày: 27/6/2025

TT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K _r = 1,2)
9	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² -B&D:2023	KPH (LOQ=0,60)	4,8
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOQ=4,5)	24
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	SMEWW 5540C:2023	1,3	12

Ghi chú: (*): Được công nhận của Văn phòng Công nhận Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Mã hiệu Vilas 384).

-: Không áp dụng; (1): Chỉ tiêu đo trực tiếp tại hiện trường; KPH: Không phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

HD11: Hướng dẫn lấy và bảo quản mẫu nước thải.

**PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
(QA/QC)**

Nguyễn Văn Đạt

PHÓ GIÁM ĐỐC



Châu Bảo Trung

1- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.